Câu 1.

Từ nào không cùng nhóm nghĩa với các từ còn lại?

A. bảo vệ

B. giữ gìn

C. bảo đảm

D. dạy bảo

Câu 2.

Cặp từ nào dưới đây có nghĩa trái ngược nhau?

A. nóng - lạnh

B. xa - dài

C. trắng - sáng

D. mềm - mượt

Câu 3.

Từ nào dưới đây có nghĩa giống với từ "nỗ lực"?

A. nhân hậu

B. lạc quan

C. dũng cảm

D. cố gắng

Câu 4.

Từ nào dưới đây có nghĩa trái ngược với từ "vội vàng"?

A. thong thả

B. đông đúc

C. an toàn

D. nhẹ nhàng

Câu 5.

Đáp án nào dưới đây là cặp từ có nghĩa giống nhau dùng để miêu tả làn da?

A. nhẵn nhụi - sần sùi

B. mũm mĩm - bụ bẫm

C. mịn màng - thô ráp

D. nõn nà - nuột nà

Câu 6.

Câu tục ngữ nào dưới đây chứa cặp từ có nghĩa trái ngược nhau?

A. Cây ngay không sợ chết đứng.

B. Học thầy không tày học bạn.

C. Chim có tổ, người có tông.

D. Bán anh em xa, mua láng giềng gần.

Câu 7.

Điền từ có nghĩa trái ngược với từ in đậm vào chỗ trống để hoàn thành câu tục ngữ sau:

Kính [[trên]] nhường dưới .

Câu 8.

Điền từ có nghĩa trái ngược với từ in đậm vào chỗ trống để hoàn thành thành ngữ sau:

Trước lạ sau [[quen]]

Câu 9.

Nối từ ở hai cột để tạo thành cặp từ có nghĩa giống nhau.

- thông minh [(sáng dạ)]

- kiên trì [(bền chí)]

- siêng năng [(chăm chỉ)]

- gan dạ [(dũng cảm)]

Câu 10.

Nối từ ở hai cột để tạo thành cặp từ có nghĩa trái ngược nhau.

- khéo léo [(vụng về)]

- quyết đoán [(do dự)]

- nhanh nhẹn [(chậm chạp)]

- hiền lành [(độc ác)]